

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC NINH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST  
Ngày: 21-3-2024  
V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Lệ Thy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Ông Võ Đức Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:**  
ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2023/TLST – DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 - Có mặt

Địa chỉ: Ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1996 - Có mặt

HKTT: Ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ hiện nay: Tổ 1, ấp Hưng Thủy, Xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Do có mối quan hệ tình cảm nam nữ, bà H hứa sẽ làm vợ ông T nên ông T đã đưa cho bà H số tiền 30.000.000 đồng tiền mặt để mua xe máy; 01 đôi bông tai 08 phân vàng 18k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 04 phân vàng 24K. Sau khi nhận tài sản của ông T thì bà H không lui tới nhà ông T nữa và tránh mặt ông T nên sau đó khoảng 10 ngày, kể từ ngày ông T đưa tài sản trên cho bà H thì

ông T gọi bà H tới nhà ông T. Ông T yêu cầu bà H viết Giấy cam kết trong thời hạn 50 ngày bà H phải đi đăng ký kết hôn với ông T, nếu hết thời hạn trên mà bà H không thực hiện theo giấy cam kết thì phải trả lại cho ông T số tài sản ông T đã đưa cho bà H. Khi viết giấy cam kết bà H nói với ông T là bà H tên: Nguyễn Thị H, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1996. Số căn cước: 070181324601. Nơi tạm trú và làm việc: ấp Thanh Kiều, thị xã Bình Long.

Nay bà H không thực hiện theo đúng thỏa thuận như trong giấy cam kết nên ông T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông T số tiền 30.000.000 đồng; 01 đôi bông tai 08 phân vàng 18k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 04 phân vàng 24K. (Số vàng tạm tính thành tiền là: 17.884.000đ). Tổng số tiền ông T yêu cầu trả là **47.884.000đ** (*Bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng*). Không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung yêu cầu gì thêm.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – Bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H không thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn T. Khoảng tháng 10 năm 2021, bà H có quen biết ông T và có phát sinh quan hệ tình cảm yêu đương, bà H thường xuyên tới nhà ông T chơi và ngủ lại qua đêm. Một thời gian quen nhau thì phát sinh mâu thuẫn, bà H và ông T không hợp nhau nên bà H không qua lại với ông T nữa. Trong thời gian quen nhau, ông T có hứa hẹn với bà H nếu chịu làm vợ ông T thì ông T cho bà H số tiền 250.000.000 đồng để trả nợ và làm ăn. Tuy nhiên bà H chưa nhận số tiền này của ông T và cũng không nhận số tiền 30.000.000 đồng; 01 đôi bông tai 08 phân vàng 18k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 04 phân vàng 24K như ông T trình bày. Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước mà ông T ghi trong giấy cam kết ngày 24/01/2022 không phải là ngày tháng năm sinh, số căn cước của bà H, bà H cũng không ký tên vào giấy cam kết trên.

Nay ông T khởi kiện thì bà H không chấp nhận yêu cầu của ông T.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Việc ông T cho bà H số tiền 30.000.000 đồng tiền mặt để mua xe máy; 01 đôi bông tai 08 phân vàng 18k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 04 phân vàng 24K phát sinh từ mối quan hệ tình cảm yêu đương, ông cho rằng trước sau gì bà H cũng làm vợ ông. Ông T đưa số tài sản trên là sự tự nguyện, không phải bà H vay mượn, cũng không phải chiếm đoạt. Không có sự thỏa thuận trước đó phải viết giấy cam kết bà H phải làm vợ ông T. Giấy cam kết ông T đưa bà H ký là sau khi đưa tài sản thì thấy bà H thay đổi không còn yêu thương ông nữa nên ông bắt bà H phải ký vào giấy cam kết. Tuy nhiên bà H không thừa nhận đã ký tên vào giấy cam kết cũng như không thừa nhận đã nhận tài sản trên của ông T. Tại kết luận giám định số 12/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của Viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh về việc kết luận đối tượng giám định là: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M3. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp “Kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông T số tiền 30.000.000 đồng; 01 đôi bông tai 08 phân vàng 18k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 04 phân vàng 24K. (Số vàng tạm tính thành tiền là: 17.884.000đ). Tổng số tiền ông T yêu cầu trả là **47.884.000đ** (*Bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng*). Không yêu cầu tính lãi suất.

Căn cứ các lời trình bày của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Khoảng cuối năm 2021, ông T có quen biết bà H tại quán nước ở ấp Thanh Kiều, Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long. Sau khi quen biết khoảng 02 tuần thì giữa ông T và bà H phát sinh tình cảm yêu đương, bà H hứa hẹn sẽ làm vợ ông T nên ông T đã tin tưởng và đưa cho bà H số tiền 30.000.000 đồng;

01 đôi bông tai 08 phân vàng 18k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 04 phân vàng 24K. Trước khi đưa số tài sản trên cho bà H thì hai bên không thỏa thuận viết giấy cam kết. Sau khi nhận tài sản của ông T thì bà H không lui tới nhà ông T nữa và tránh mặt ông T. Nên khoảng 10 ngày sau khi đưa tài sản cho bà H thì ông T yêu cầu bà H viết Giấy cam kết trong thời hạn 50 ngày bà H phải đăng ký kết hôn với ông T.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2023 (BL 18) và tại phiên tòa, ông T trình bày: *Sau khi nhận tài thì ông thấy bà H thay đổi, bà H mua được xe thì bà H thờ ơ, không đến nhà ông T nữa. Sau đó khoảng 10 ngày ông T có dụ bà H tới nhà, ông T khóa xe bà H lại. Ông T viết giấy cam kết yêu cầu bà H ký thì bị bà H đâm vào miệng ông T và vò xé giấy cam kết, sau đó ông T viết giấy cam kết lần 02 thì bà H mới ký.* Xét thấy việc ông T đưa số tài sản trên cho bà H là do có mối quan hệ tình cảm yêu đương, là sự tự nguyện, không bị ép buộc, không có sự thỏa thuận trước đó là: Bà H phải viết giấy cam kết với nội dung trong thời hạn 50 ngày, bà H phải đăng ký kết hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không thừa nhận việc ông T đã đưa số tài sản trên cho bà H, trước đó ông T có hứa hẹn cho bà H số tiền 250.000.000 đồng để trả nợ và làm ăn nhưng ông T chưa đưa tiền cho bà H và bà cũng không ký vào giấy cam kết như ông T trình bày. Do quen ông T được một thời gian thì bà H thấy bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên bà H không lui tới nhà ông T nữa.

Tại kết luận giám định số 12/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của Viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh về việc kết luận đối tượng giám định như sau: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M3.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông T, sinh năm 1952. Hiện nay trên 60 tuổi là Người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên thuộc đối tượng miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điều 12 Nghị quyết 326 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 166, Điều 579, Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả lại số tiền 30.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 24K có trọng lượng 2 chỉ 4 phân; 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 08 phân. (Số vàng tạm tính thành tiền là: 17.884.000đ). Tổng số tiền ông T yêu cầu bà H trả là **47.884.000đ** (*Bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo Thông báo số 09/TB-TA ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước về việc miễn tạm ứng án phí, án phí Tòa án.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS Nhân dân huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Lệ Thy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



